

**HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HK2  
MÔN TIẾNG ANH 6  
NĂM HỌC 2024 - 2025**

**Pronunciation (1pt)**

- Ending sounds: /s/ /es/ /ei/ /a/ /ae/
- Stress : 1,2

**Multiple choice (2,5pts) → 8 câu**

- Từ vựng ( Voc.) từ 3 - 5 câu ( Verbs,Noun,Adj.,Adv...)

\* Các Units từ 6 đến 8 (Lesson 1+2) trong ILSW6

\* Từ vựng : ( Key words ) trong SGK.

- Ngữ pháp từ ( Gram) từ 6 đến 8 (Lesson 1+2) ( Conj,Connect.,Prep.,Relative Clauses,...)

\* Ngữ pháp có Verbs forms, Tenses, Prepositions và Connectives.

**Signs / Warnings/ Notice/ (0,5pt)**

Traffic and Environment

**Guided cloze (1,5pt) → 6 câu với 4 chọn lựa mỗi câu**

Movies and environment

- Liên từ, từ nối, giới từ, trạng từ, hình thức động từ
- Từ vựng thuộc dạng Word Meaning ( Danh từ, tính từ, trạng từ, động từ)

**Reading comprehension – True or False (1pt) 4 câu và 2 câu suy luận tổng hợp (0.5pt)**

Movie and environment

**Word form (1,5pt) 6 câu**

- 1 verb đơn giản ( sử dụng hình thức đúng động từ)
- 2 noun → biến đổi từ Adjective, Verb
- 3 Adj ( Phủ định → inexpensive Adj. or Adv), 1 Adj (verb + ing./ ed)

**Suggested key words :**

**View, lead, environment, animated, history, interest, invade, recycle, fame, excite, amaze, nature, charitably, useful, protect, help, sleep, flash, bottle, raft, campsite, kayak, agree, free.**

**Writing (1.5 pts)**

**1. Rearrange the words and phrases in the correct order (0,5 pt)**

Cấu trúc câu trong câu phức, câu ghép  
Suggestion, friends, environment

**2. Write a short paragraph from 45 to 55 words (1 pt)**

**Topic: Your favorite trip**

**NỘI DUNG THÔNG NHẤT ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**NĂM HỌC 2024 – 2025**  
**MÔN CÔNG NGHỆ**

Nhóm trưởng môn Công nghệ trường THCS Cửu Long thông tin nội dung kiểm ôn tập kiểm tra đánh giá giữa kì II môn Công nghệ như sau:

**1. Thời lượng làm bài: Khối 6,9 làm thực hành theo chủ đề dự án chấm bài 45’; Khối 7,8, làm bài trên giấy trong 45’.**

**2. Cấu trúc đề:**

**- Hình thức đánh giá:**

+ Trắc nghiệm 16 câu: (nhận biết) 4.0 điểm.

Hình thức trắc nghiệm khác gồm điền khuyết, nối câu,... 2 câu: (thông hiểu) 2.0 điểm.

+ Tự luận khoảng 2 đến 3 câu : 4.0 điểm.

**- Cấu trúc đề như sau:**

\* Phần trắc nghiệm (nhận biết - thông hiểu: 60%). (Trong đó nhận biết: 4.0 điểm, thông hiểu: 2.0 điểm)

\* Phần tự luận: 40% (4.0 điểm. Nhận biết 1.0 điểm, Hiểu 1.5 điểm, vận dụng 1.5 điểm. Nếu có vận dụng cao là 0,5 điểm trong phần vận dụng).

• Giới hạn đề: Nội dung theo thống nhất của nhóm trưởng bộ môn. Kiến thức từ tuần 1 – 7 của HKII.

• Đề kiểm tra thực hiện theo ma trận và có theo bảng mô tả ma trận đề.

• **Bài thực hành theo chủ đề dự án:** Hướng dẫn học sinh làm thực hành hoặc thực hiện chủ đề theo định hướng của giáo viên.

• **Thang điểm chấm sản phẩm thực hành chủ đề dự án thống nhất như sau:**

\* Lựa chọn sử dụng đúng dụng cụ, vật liệu, thiết bị 2.0 điểm

\* Thao tác thực hành đúng kỹ thuật 2.0 điểm

\* Sản phẩm đúng, vận hành đúng 4.0 điểm

\* Thẩm mỹ 1.0 điểm

\* Vệ sinh nơi làm việc 0,5 điểm

\* An toàn lao động 0,5 điểm

**Tổng cộng: 10 điểm**

**3. Nội dung ôn tập: Từ tuần 1 đến tuần 7 HKII, với phạm vi giới hạn như sau:**

**\* Khối 6:**

Thực hiện theo chủ đề dự án thiết kế trang phục thời trang (10,0 điểm)	- Giáo viên giao nhiệm vụ thực hiện dự án thiết kế trang phục thời trang. - Thực hiện dự án chủ đề trong 2 tuần. - Thuyết trình dự án: Làm bảng báo cáo diễn giải quá trình thực hiện hoặc làm bài trắc nghiệm ngắn nội dung thực hiện dự án.
--	---

## **NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN GDDP 6 NĂM HỌC 24 - 25**

### ***CHỦ ĐỀ 5: TRUYỆN DÂN GIAN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊA DANH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH***

• Địa danh: là tên các địa hình khác nhau, tên nơi cư trú, tên hành chính, tên công trình,... được con người đặt ra.

Có thể phân loại địa danh như sau:

– Địa danh chỉ **địa hình**: gồm tên các đối tượng như ao, bãi, bầu, bung, cồn, cù lao, đảo, sông, núi, rừng, hồ, khe,...

– Địa danh chỉ **công trình xây dựng**: gồm tên các đối tượng như bến, cảng, cầu, đường phố, ga, ngã ba, nhà thờ, toà nhà, vườn hoa,...

– Địa danh **hành chính**: gồm tên của các đơn vị như tổ dân phố, khu phố, ấp, phường, xã, thị trấn, quận, huyện, thành phố,...

– Địa danh **vùng**: khi một địa danh nào có thể đặt sau các từ “vùng”, “khu”, “xóm”,... thì đó là địa danh vùng. Địa danh vùng chỉ nơi không có biên giới rõ ràng, không xác định được diện tích và nhân khẩu, do quần chúng tự đặt tên và gọi.

### ***CHỦ ĐỀ 6: ÂM NHẠC DÂN GIAN TRONG ĐỜI SỐNG THƯỜNG NGÀY Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH***

- Lí là thể loại ca hát dân gian phổ biến trong đời sống cư dân vùng đất Sài Gòn – Gia Định xưa – Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

- Lí được hát mọi lúc, mọi nơi trong cả môi trường lao động lẫn vui chơi, ở ngoài đồng ruộng lẫn trong gia đình.

- Lí thường sinh ra phần lớn từ những câu ca dao nên rất phong phú về số lượng cũng như làn điệu.

- Nội dung của Lí thể hiện ở mọi khía cạnh, hiện tượng của cuộc sống như: ngụ ngôn, tâm tình, trữ tình, giao duyên, quan hệ xã hội, thái độ phê phán những thói hư, tật xấu trong dân gian....

- Cấu trúc các bài Lí thường ngắn gọn, câu cú mạch lạc, tiết điệu rõ ràng, giai điệu phong phú, gọi hình, gọi cảm. Tính chất âm nhạc mộc mạc, chân chất, hồn nhiên, trữ tình.

- Lí là một trong những hình thức diễn xướng đặc trưng ở vùng đất Sài Gòn – Gia Định xưa – Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

## NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

### HĐTN-HN 6

#### CHỦ ĐỀ 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU

##### 1. Xác định các khoản tiền của em

a/. Em thường dùng tiền để mua đồ dùng học tập.

- Dùng để ăn sáng
- Dùng để giúp đỡ bạn nghèo,...
- Dùng mua đồ dùng cần thiết...

b/ Những công việc nào em có thể làm để kiếm được tiền và cảm xúc của em khi có thêm khoản tiền đó?

- Các việc làm trong gia đình như: trồng rau, trồng hoa, trồng cây, chăn nuôi gia súc, gia cầm bán lấy tiền; làm nghề thủ công cùng gia đình thời gian rảnh,...

- Học tập tốt để có học bổng, có tiền thưởng,...

##### 2. Chỉ ra những lí do xác định khoản chi ưu tiên của em

- Ưu tiên cho ăn uống (đây là nhu cầu thiết yếu để đảm bảo sức khoẻ).
- Ưu tiên cho học tập để phát triển bản thân và có điều kiện học tập tốt hơn).
- Ưu tiên cho sở thích (để nghỉ ngơi, thư giãn, tạo động lực cho bản thân).
- Ưu tiên cho hàng giảm giá (để có thể mua được nhiều thứ hàng hoá hơn với số tiền có giới hạn).

- Mỗi người đều có các xác định ưu tiên chi khác nhau, phù hợp với bản thân. Ưu tiên khoản chi của mỗi chúng ta cũng không cố định mà luôn điều chỉnh theo nhu cầu. Tuy nhiên cần cân nhắc thật kĩ trước khi chi tiêu.

##### 3. Xác định cái mình cần và cái mình muốn

###### Phân biệt 2 nhóm:

- Cái mình cần là những thứ mình cần phải có trong cuộc sống, như quần áo, đồ ăn, trái cây,...

- Cái mình muốn là những thứ mình mong muốn có để cuộc sống thú vị hơn để phục vụ cho niềm vui, thoải mái tâm trí, như đồ chơi, dụng cụ chơi thể thao.

- ❖ Cần là khi điều đó thực sự cần thiết cho chúng ta trong cuộc sống. Nếu không đạt được điều đó thì cuộc sống, công việc của chúng ta có thể gặp khó khăn.
- ❖ Muốn được hiểu là những khao khát của cá nhân để phục vụ cho niềm vui, thoải mái tâm trí. Nếu những điều muốn chưa đạt được, cảm xúc của chúng ta có thể bị ảnh hưởng nhiều, nhưng công việc và cuộc sống thường nhật không bị ảnh hưởng.
- Các em luôn suy nghĩ, cân nhắc về những nhu cầu của mình, viết ra và đặt thứ tự ưu tiên cho những nhu cầu chi tiêu cần thiết để giúp mình trở thành những người chi tiêu thông minh và tiết kiệm.

##### 4. Xác định khoản chi ưu tiên

- Trong điều kiện số tiền mình có để chi tiêu còn hạn chế, mỗi người cần cân nhắc lựa chọn khoản chi ưu tiên phù hợp theo thứ tự:

- Ưu tiên mua những món hàng bắt buộc phải có trong từng hoàn cảnh.
- Ưu tiên mua những thứ để thực hiện các hoạt động có ý nghĩa và thiết thực đối với cá nhân.
- Ưu tiên mua những thứ để thực hiện hoạt động mình thích.
- Ưu tiên mua những thứ đáp ứng nhu cầu giải trí cá nhân.

##### 5. Quyết định khoản chi ưu tiên

- Trong tình huống cần lựa chọn chi tiêu với số tiền rất ít chúng ta cần lưu ý để lựa chọn nhu cầu thiết yếu nhất của mình và chia sẻ nhu cầu thiết yếu của bạn bè khi cần thiết. Điều đó sẽ giúp cho việc chi tiêu trở nên có ý nghĩa, có giá trị hơn.

- Tiền là một phương tiện để giúp cho mỗi người có được niềm vui, niềm hạnh phúc trong cuộc sống. Vì vậy, khi sử dụng đồng tiền, chúng ta nên lựa chọn ưu tiên những nhu cầu đem lại niềm vui cho nhiều người hơn, giúp cuộc sống của chúng ta trở nên hạnh phúc hơn. Khi đó, giá trị của đồng tiền sẽ lớn hơn mệnh giá của chính nó.

- Một số nguyên tắc ưu tiên:

+ Nguyên tắc ưu tiên chi tiêu trong gia đình nên theo trình tự sau:

- Lựa chọn nhu cầu chung trước nhu cầu cá nhân.
- Lựa chọn nhu cầu đáp ứng được cho nhiều người.
- Lựa chọn nhu cầu cá nhân thiết yếu.

+ Nguyên tắc chi tiêu cho cá nhân theo trình tự ưu tiên như sau:

- Nhu cầu cá nhân thiết yếu.
- Nhu cầu có ý nghĩa thiết thực với cá nhân trong từng hoàn cảnh cụ thể.

## **6. Cho bạn, cho tôi**

- Mỗi em trong nhóm chia sẻ với bạn về điều, hành vi hay thái độ trong chủ đề này bạn cần thay đổi hoặc cố gắng hơn.

- Em hãy chia sẻ về những điều bạn nhận xét về mình, về những điều mình đã làm được, chưa làm được và cảm nhận của mình.

## **CHỦ ĐỀ 6:**

### **XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN**

#### **1. Tìm hiểu ý nghĩa của nơi công cộng**

- Nơi công cộng được hiểu là nơi phục vụ chung cho nhiều người và nó không chỉ giới hạn ở ngoài trời như quảng trường, đường đi, nhà ga, bến tàu, bãi biển, công viên,... mà còn là nơi phục vụ ăn uống, giải khát, vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử....

- Nơi công cộng là nơi phục vụ chung cho nhiều người, là nơi diễn ra các hoạt động chung của xã hội,...

- Ý nghĩa của nơi công cộng:

- Mọi người đi lại.
- Mọi người được giao lưu, trao đổi, buôn bán.
- Mọi người có thể giải trí, gặp gỡ nói chuyện với nhau,..

#### **2. Tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng**

- Thực hiện nếp sống văn hóa, quy tắc, quy định nơi công cộng.

- Giúp đỡ người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật khi lên xuống tàu, xe, qua đường.

- Giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh nơi công cộng.

- Kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật, trật tự nơi công cộng.

- Không có hành vi trái với quy định nơi công cộng,...

#### **❖ Những hành vi ứng xử đúng nơi công cộng:**

- Cười nói đủ nghe nơi đông người.

- xếp hàng theo thứ tự nơi công cộng.

- Giữ gìn và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên nơi công cộng,...

- Báo cơ quan quản lý, tổ chức có thẩm quyền khi thấy những người vi phạm quy định nơi công cộng,...

- Giúp đỡ những người gặp khó khăn nơi công cộng.

#### **❖ Những hành vi ứng xử không đúng nơi công cộng:**

- Cười nói quá to nơi đông người.

- Chen lấn, xô đẩy nhau nơi công cộng.
- Vứt rác bừa bãi nơi công cộng như công viên, bảo tàng, siêu thị,...

### 3. Thực hiện nói, cười đủ nghe nơi công cộng

Tình huống	Cách nói cười đủ nghe
1. Nếu khoảng cách nói chuyện giữa hai người hơi xa nhau.	Tiến lại gần bạn hơn để nói. Tránh hét lên hoặc nói quá to.
2. Câu chuyện buồn cười quá, rất dễ phá lên cười to.	Cười mỉm hoặc cười khúc khích. Lấy tay che miệng.
3. Ở một số nơi công cộng đặc thù (như rạp chiếu phim, rạp hát, trên xe buýt, viện bảo tàng, đền, chùa, nhà thờ,...).	Nói thì thầm đủ nghe. Hạn chế trao đổi, trò chuyện.
4. Nhận được điện thoại khi ngồi với nhóm bạn.	Nên đi ra chỗ khác để trò chuyện. Nói chuyện với âm lượng vừa phải.

Tình huống	Cách nói cười đủ nghe
5. Nếu thấy mình nói to hoặc quá nhỏ.	Điều chỉnh âm lượng khi thấy mình nói quá to – hạ âm lượng xuống, nói nhỏ hơn hoặc nếu thấy mọi người ghé sát gần vào mình và âm lượng mình quá nhỏ thì tăng âm lượng to hơn.
6. Khi cảm thấy mình nói cao giọng.	Hạ giọng xuống để âm lượng vừa phải. Điều hoà cảm xúc, hơi thở của mình.
7. Khác:.....	

### 4. Xếp hàng trật tự nơi công cộng

- Đứng vào hàng, tuyệt đối không chen lấn, xô đẩy.
- Giữ khoảng cách nhất định giữa người đứng trước và đứng sau.

### 5. Lựa chọn trang phục phù hợp nơi công cộng

- Thực hiện đúng yêu cầu về trang phục nơi mình đến.
- Chọn trang phục phù hợp với thời tiết và mục đích hoạt động.

### 6. Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên

- Bỏ rác đúng nơi quy định, tham gia vệ sinh trường, lớp, nơi công cộng. - -
- Tham gia chăm sóc và giữ gìn các công trình công cộng.
- Tuyên truyền trong cộng đồng về ý thức bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

### 7. Giúp đỡ và chia sẻ với mọi người

- Giúp người già qua đường.
- Nhường ghế cho người khuyết tật hoặc phụ nữ mang thai trên xe bus.
- Hỗ trợ người gặp sự cố trên đường.
  - ❖ Khi được giúp đỡ người khác, họ cảm thấy vui vẻ, biết ơn và bản thân mình cũng có cảm xúc vui vẻ, tự hào khi giúp đỡ người khác.

### 8. Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh

### 9. Tuyên truyền bạn bè, người thân ứng xử văn minh nơi công cộng

**THÔNG NHẤT NỘI DUNG KIỂM TRA GIỮA KÌ HỌC KÌ 2  
NĂM HỌC 2024-2025 - MÔN TOÁN**

**KHỐI 6:**

- Chủ đề: Phân số
  - Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số.  
So sánh phân số.
  - Các phép tính phân số. Tính chất phép cộng, phép nhân phân số.
  - Giá trị phân số của một số.
- Chủ đề: Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên
  - Hình có trục đối xứng
  - Hình có tâm đối xứng
  - Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên
- Chủ đề: Các hình học cơ bản
  - Điểm. Đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng

# NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

## MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 6

### BÀI 15: ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC

#### 1. Đời sống vật chất

- Một số nét về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:

Người Văn Lang, Âu Lạc	Ăn	Mặc	Ở	Đi lại
	<p>- Thức ăn chính là cơm tẻ, cơm nếp với thịt, cá, cua, ốc, rau, dưa, cà..., biết dùng gia vị, làm bánh, nấu rượu,...</p> <p>- Trong bữa ăn có mâm, bát, muôi,...</p>	<p>Nữ mặc váy, nam đóng khố, đi chân đất. Khi có lễ hội, nữ mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quần dài, đầu chít khăn cài lông chim, đeo trang sức,...</p>	<p>Họ làm nhà sàn ở những vùng đất cao ven sông để tránh thú dữ. Nhà sàn có mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mũi làm bằng gỗ, tre, nứa, lá,...</p>	<p>Người dân Văn Lang sống ven các dòng sông lớn, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền.</p>

#### 2. Đời sống tinh thần

- Những điểm nổi bật trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:

+ Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời... Người chết được chôn cất trong thạp, bình, mộ thuyền, mộ cây. Mộ của người giàu có thường chôn theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.

+ Có khiếu thẩm mỹ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình, không chỉ để tránh bị thủy quái làm hại mà còn là một cách làm đẹp; phong tục này được duy trì cho đến thế kỉ XIII - XIV.

+ Trong những ngày lễ hội, họ thường tổ chức vui chơi, đấu vật, đua thuyền, nhảy múa, ca hát bên tiếng khèn, sáo, trống, chiêng.

### BÀI 16: CHÍNH SÁCH CẠI TRỊ CỦA PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC.

#### 1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

##### a. Tổ chức bộ máy cai trị

- Tên gọi nước ta thời:

+ Thời Hán: Giao Châu.

+ Thời Đường: An Nam đô hộ phủ.

- Các đơn vị hành chính:

+ Thời Hán: Quận, huyện, thị xã.

+ Thời Đường: Châu, huyện, làng xã.

- Người đứng đầu:

+ Thời Hán: Thứ sử người Hán.

+ Thời Đường: Tiết độ sứ người Hán.

- Nhận xét về chính quyền ở Giao Châu thời thuộc Hán và chính quyền An Nam đô hộ phủ thời Đường: Chính quyền đô hộ phương Bắc kiểm soát nước ta ngày càng chặt chẽ nhưng vẫn

không không chế được làng xã Việt. Các Tù trưởng, hào trưởng người Việt vẫn quản lí cấp huyện xã (thời Hán) và cấp làng xã (thời Đường).

- Nhà Hán gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu vì:

+ Thực hiện âm mưu sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán.

+ Xóa bỏ quốc gia, dân tộc Việt.

### **b. Chính sách bóc lột về kinh tế**

- Chính quyền đô hộ đã thực hiện những chính sách bóc lột về kinh tế đối với nước ta:

+ Chiếm đoạt ruộng đất.

+ Siết chặt ách cai trị, đặt thêm thuế, bắt hàng ngàn thợ thủ công giỏi ở Giao Châu đem về nước.

+ Thời Đường, bên cạnh chính sách cống nạp, chính quyền đô hộ còn tăng cường chế độ thuế khoá và lao dịch nặng nề.

- Sắt và muối bị chính quyền đô hộ giữ độc quyền; hương liệu, vàng bạc bị đem cống nạp.

- Các triều đại phong kiến phương Bắc lại nắm độc quyền về muối và sắt vì:

+ Muối là gia vị chính không thể thiếu hằng ngày.

+ Sắt là vật liệu chính để chế tạo công cụ lao động, vũ khí.

+ Thu lợi nhuận cao và kiểm soát chặt chẽ các cuộc nổi dậy, khởi nghĩa.

### **c. Chính sách đồng hóa**

- Những chính sách đồng hóa dân tộc ta mà chính quyền đô hộ thực hiện:

+ Nhà Hán chủ trương đưa người Hán sang nước ta sinh sống lâu dài, ở lẫn với người Việt.

+ Tìm cách xóa bỏ những tập quán lâu đời của người Việt, ép buộc dân ta theo phong tục, tập quán của họ.

+ Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền vào Việt Nam.

+ Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. Tuy nhiên, việc dạy chữ chỉ giới hạn trong một số ít người ở các vùng trung tâm. Cả ngàn năm Bắc thuộc, số người Việt được trọng dụng chỉ là thiểu số.

## **2. Những chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội**

### **a. Những chuyển biến về kinh tế**

- Sự chuyển biến về kinh tế dưới thời Bắc thuộc:

+ Trồng lúa nước vẫn là ngành chính, một năm trồng hai vụ. Việc dùng cày và sử dụng sức kéo trâu bò đã phổ biến.

+ Người dân đã biết đắp đê phòng lũ lụt và bảo vệ mùa màng.

+ Người dân còn chăn nuôi và trồng nhiều loại cây khác như cây ăn quả, cây dâu, cây bông.

+ Một số nghề thủ công mới xuất hiện như làm giấy, khảm xà cừ, thuộc da, đúc tiền, đúc ngói, gạch cho xây dựng.

+ Kỹ thuật đúc đồng thời Đông Sơn tiếp tục được kế thừa và phát triển.

+ Các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp được trao đổi, buôn bán trong các chợ làng, chợ phiên, Nhiều tuyến đường giao thông được mở rộng. Các thương nhân Trung Quốc, Giao, Ấn Độ đến trao đổi, buôn bán. Chính quyền đô hộ nắm độc quyền về ngoại thương.

- Việc đồ đồng Đông Sơn vẫn phát triển ở nhiều nơi trên đất nước ta trong thời kì Bắc thuộc có ý nghĩa: Từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I, dù bị phong kiến phương Bắc tìm cách phá hoại, sức sống bền bỉ của nền văn hoá Đông Sơn cổ truyền vẫn được duy trì và phát triển, là minh chứng cho cuộc đấu tranh bảo vệ nền văn hoá cổ truyền của dân tộc.

### **b. Những chuyển biến về kinh tế**

- Những chuyển biến trong cơ cấu xã hội thời Bắc thuộc so với thời Văn Lang, Âu Lạc: Thay cho quý tộc Việt là quan lại đô hộ của Trung Quốc, tầng lớp trên của xã hội như lạc tướng, lạc hầu và sau này là hào trưởng người Việt có thể lực kinh tế, giữ vai trò quan trọng ở địa phương

và có uy tín trong nhân dân. Nông dân công xã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chính sách cướp đoạt ruộng đất và tô thuế, nhiều người phá sản trở thành nông dân lệ thuộc hoặc nô tì.

- Nhận xét về đặc điểm quan trọng nhất trong sự chuyển biến về xã hội: Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền cai trị phương Bắc. Mỗi khi có điều kiện, người Việt lại đứng lên lật đổ ách đô hộ, thiết lập chính quyền tự chủ của riêng mình.

- Tầng lớp hào trưởng người Việt sẽ đứng lên lãnh đạo nhân dân lật đổ ách đô hộ vì đây là tầng lớp có uy tín và vị thế trong xã hội.

## **BÀI 18: CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X**

### **1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40-43)**

- Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng: bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc chống ách đô hộ, bảo vệ nhân dân, khôi phục lại nền độc lập, tự chủ đã được thiết lập từ thời Hùng Vương dựng nước.

- Diễn biến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:

+ Tháng 3 - 40, Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị đã phát cờ khởi nghĩa ở Hát Môn, tướng lĩnh đều quy tụ về với cuộc khởi nghĩa.

+ Từ sông Hát, nghĩa quân theo đường sông Hồng tiến xuống đánh chiếm căn cứ quân Hán ở Mê Linh và Cổ Loa (nay thuộc Hà Nội).

+ Tháng 4 - 40, Hai Bà chiếm được Luy Lâu, thái thú Tô Định chạy trốn về quận Nam Hải (Quảng Đông).

+ Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh.

+ Mùa hè năm 42, nhà Hán đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại Nhân dân thương tiếc, lập đền thờ hai bà ở khắp nơi.

- Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:

+ Chứng tỏ tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, bất khuất của người Việt.

+ Tạo nền tảng, truyền thống đấu tranh và cổ vũ cho các phong trào khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ sau này.

### **2. Khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248)**

- Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu: Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Ngô, năm 248, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa.

- Trình bày những nét chính của cuộc khởi nghĩa:

+ Từ căn cứ núi Nưa nghĩa quân đánh phá các thành ấp của bọn quan lại đô hộ ở Cửu Chân rồi từ đó đánh ra khắp Giao Châu.

+ Nhà Ngô lo sợ, vội cử quân sang đàn áp. Dù chiến đấu anh dũng nhưng do lực lượng quá chênh lệch, nghĩa quân bị tiêu diệt. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền, Hậu Lộc, Thanh Hoá).

### **3. Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân (năm 542-602)**

- Diễn biến cuộc khởi nghĩa Lý Bí:

+ Mùa xuân năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), làm chủ Giao Châu. Nhà Lương đã hai lần huy động quân sang đàn áp nhưng đều thất bại nặng nề.

+ Mùa xuân năm 544, khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế. Ông đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), cho xây điện Vạn Thọ và chùa Khai Quốc, cho đúc tiền riêng.

+ Tháng 5 - 545, Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục, một vị tướng trẻ tài ba. Triệu Quang Phục đưa quân về đầm Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên), xây dựng căn cứ và tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

+ Năm 550, sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục xưng vương (Triệu Việt Vương).

+ Năm 602, nhà Tùy đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ.

#### **4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (năm 713-722)**

- Những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan:

+ Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Đường, năm 713, nhân dân Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh) vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Mai Thúc Loan.

+ Từ Hoan Châu, khởi nghĩa lan rộng ra khắp các châu, huyện.

+ Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn, Nghệ An) để xây thành Vạn An. Ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế.

+ Từ thành Vạn An, nghĩa quân tiến ra Bắc, đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay).

+ Năm 722, nhà Đường phải 10 vạn quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.

+ Khởi nghĩa Mai Thúc Loan đã giành và giữ chính quyền độc lập trong gần 10 năm (713 - 722).

#### **5. Khởi nghĩa Phùng Hưng**

- Những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng:

+ Khoảng cuối thế kỉ VIII, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), Phùng Hưng đã hợp quân khởi nghĩa và nhanh chóng làm chủ vùng Đường Lâm.

+ Được nhân dân các vùng xung quanh hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị.

+ Khi Phùng Hưng qua đời, con trai ông là Phùng An lên nối nghiệp cha. Sau đó, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa.

### **BÀI 12. LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT.**

#### **I. Các tầng khí quyển và thành phần không khí.**

##### **1. Các tầng khí quyển**

- Tầng đối lưu nằm sát mặt đất, không khí chuyển động mạnh theo chiều thẳng đứng. Trong tầng này nhiệt độ giảm theo độ cao và đây là nơi diễn ra các hiện tượng khí tượng như gió, mưa, mây,...

- Tầng bình lưu nằm trên tầng đối lưu, không khí rất loãng và chủ yếu chuyển động theo chiều nằm ngang. Do có lớp ôdôn hấp thụ tia tử ngoại nên nhiệt độ của tầng này tăng theo độ cao.

##### **2. Thành phần không khí**

- Không khí không màu sắc và không mùi vị, bao gồm những thành phần chủ yếu sau:

+ Khí Nitơ chiếm 78% thể tích không khí

+ Khí Ôxi chiếm 21% thể tích không khí.

+ Khí carbonic, hơi nước và các loại khí khác chiếm 1% thể tích không khí.

- Khí oxi là chất khí cần thiết cho sự cháy và hô hấp của động vật.

- Hơi nước chỉ chiếm 1 lượng nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như sương mù, mưa, mây,...

- Khí carbonic kết hợp với nước, ánh sáng và năng lượng Mặt Trời để cây xanh quang hợp tạo nên chất hữu cơ và khí oxi.

#### **II. Khối khí**

- Khối khí nóng hình thành ở vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh hình thành ở vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.
- Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có tính chất ẩm.
- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất khô.

### **III. Khí áp và gió trên Trái Đất**

#### **1. Khí áp**

- Không khí tuy nhẹ nhưng vẫn có trọng lượng, tạo ra một sức ép lên bề mặt Trái Đất. Sức ép đó gọi là khí áp
- Dụng cụ đo khí áp là khí áp kế.
- Đơn vị đo khí áp là mmHg hoặc mb.
- Trên Trái Đất, các đai khí áp cao và đai khí áp thấp phân bố xen kẽ nhau từ xích đạo đến hai cực.

#### **2. Gió trên Trái Đất**

- Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi khí áp cao về nơi khí áp thấp.
- Gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió Đông cực là 3 loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.
- Do ảnh hưởng của lực Cô-ri-ô-lit, hướng của 3 loại gió này hơi lệch về phía bên phải ở bán cầu Bắc và hơi lệch về phía bên trái ở bán cầu Nam.

## **BÀI 13. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU VÀ CÁC ĐỐI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**

### **I. Nhiệt độ không khí**

- Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt chủ yếu cho Trái Đất. Mặt đất hấp thụ năng lượng nhiệt của Mặt Trời, bức xạ lại vào không khí, làm không khí nóng lên. Độ nóng hay lạnh đó là nhiệt độ của không khí.
- Dụng cụ đo nhiệt độ không khí: nhiệt kế
- Nhiệt độ không khí trung bình ngày được tính bằng trung bình cộng của các lần đo trong ngày.

### **II. Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ**

- Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.
- Ở vùng vĩ độ cao, góc chiếu của tia sáng Mặt Trời với bề mặt Trái Đất nhỏ nên nhận được ít nhiệt.
- Ở vùng vĩ độ thấp, góc chiếu của tia sáng Mặt Trời với bề mặt Trái Đất lớn nên mặt đất nhận được nhiều nhiệt hơn.

### **III. Độ ẩm không khí, mây và mưa**

- Dụng cụ đo độ ẩm không khí là ẩm kế.
- Mây được tạo thành khi hơi nước bốc lên cao, gặp lạnh rồi ngưng tụ thành những hạt nước li ti tạo ra những đám mây.
- Hơi nước trong các đám mây tiếp tục ngưng tụ, các hạt nước to dần và đủ nặng thì hạt nước rơi trở lại mặt đất tạo thành mưa.

#### **IV. Thời tiết và khí hậu**

- Các hiện tượng khí tượng như mưa, nắng, gió, nhiệt độ,... xảy ra trong một thời gian ngắn ở một địa phương, gọi là thời tiết. Thời tiết luôn thay đổi.
- Khí hậu ở một địa phương là sự lặp đi lặp lại tình hình thời tiết của địa phương đó theo một quy luật nhất định. Khí hậu có tính quy luật.

#### **V. Các đới khí hậu trên Trái Đất**

##### **a. Đới nóng (nhiệt đới)**

- Giới hạn: khu vực nằm giữa hai đường chí tuyến Bắc và Nam.
- Đặc điểm:
  - + Hấp thụ được lượng nhiệt lớn từ mặt Trời. Thời gian chiếu sáng trong năm ít chênh lệch nên quanh năm nóng.
  - + Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch.
  - + Lượng mưa trung bình năm từ 1000 mm đến 2000 mm.

##### **b. Đới ôn hòa (ôn đới)**

- Giới hạn: Ở hai nửa cầu nằm giữa các đường chí tuyến đến vòng cực.
- Đặc điểm:
  - + Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời ở mức trung bình. Thời gian chiếu sáng trong năm chênh lệch nhau nhiều nên có các mùa rõ rệt.
  - + Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới.
  - + Lượng mưa trung bình năm từ 500 mm đến 1.500 mm.

##### **c. Đới lạnh (hàn đới)**

- Giới hạn: Kéo dài từ hai vòng cực đến cực.
- Đặc điểm:
  - + Lượng nhiệt nhận được ít nên đây là khu vực quanh năm lạnh giá, băng tuyết bao phủ, chênh lệch giữa ngày và đêm lên đến 24 giờ.
  - + Gió thường xuyên thổi là gió Đông cực.
  - + Lượng mưa trung bình năm thấp (dưới 500 mm).

## **BÀI 14. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **I. Biến đổi khí hậu**

- Biến đổi khí hậu là sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm.
- Những biểu hiện của biến đổi khí hậu hiện nay gồm:
  - + Nhiệt độ không khí tăng, khí hậu Trái Đất nóng lên.
  - + Biến động trong chế độ mưa, lượng mưa.
  - + Gia tăng tốc độ tan băng.
  - + Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan: bão, lũ lụt, hạn hán,..
  - + Mực nước biển dâng cao,...
- Hậu quả: Số lượng các loài sinh vật suy giảm, các hệ sinh thái và hoạt động của con người có nguy cơ bị ảnh hưởng...

### **II. Phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Thiên tai là những thảm họa bất ngờ do thiên nhiên gây ra cho con người như: bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, mưa đá...
- Hậu quả: gây thiệt hại về người và tài sản, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế xã hội.
- Biện pháp phòng tránh:
  - + Trước khi xảy ra thiên tai: dự báo thời tiết, dự trữ lương thực, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng hồ chứa, sơ tán người dân.
  - + Trong khi xảy ra thiên tai: ở nơi an toàn, hạn chế di chuyển, giữ gìn sức khỏe, sử dụng nước và thực phẩm tiết kiệm, theo dõi thông tin thiên tai.
  - + Sau khi xảy ra thiên tai: khắc phục sự cố, vệ sinh nơi ở, vệ sinh môi trường, giúp đỡ người khác...

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN**  
Năm học 2024 – 2025

- Thời gian kiểm tra: Tuần 9 HK2 (tùy theo hướng dẫn chung PGD)
- Thời gian làm bài: 60 phút
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- Cấu trúc đề: Mức độ đề kiểm tra giữa kì: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng; ở mỗi mức độ số câu hỏi chia theo tỉ lệ 70% cho phần trắc nghiệm và 30% cho phần tự luận như sau:
  - + Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,0 điểm gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm
  - + Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm gồm 3 câu với 12 ý, mỗi ý 0,25 điểm
  - + Phần trắc tự luận: 3,0 điểm gồm 12 ý mỗi ý 0,25 điểm.

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

STT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Số tiết (tỉ lệ % điểm)
1	<b>CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG</b>	<b>Bài 28:</b> Năm	22 84,6%
		<b>Bài 29:</b> Thực vật	
		<b>Bài 30:</b> Thực hành phân loại thực vật	
		<b>Bài 31:</b> Động vật	
		<b>Bài 32:</b> Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên	
		<b>Bài 33:</b> Đa dạng sinh học	
		<b>Bài 34:</b> Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	
2	<b>CHỦ ĐỀ 9: LỰC</b>	<b>Bài 35:</b> Lực và biểu diễn lực	4 15,4%
		<b>Bài 36:</b> Tác dụng của lực	
<b>Tổng số câu/ý</b>			

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ – HKII MÔN NGỮ VĂN**  
**NĂM HỌC: 2024 - 2025**

**A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA**

**I. Đọc - Hiểu (6 điểm)**

- Kiến thức văn bản (5,0 điểm)
- Kiến thức tiếng Việt (1,0 điểm)

**II. Làm văn (4 điểm)**

Khối 6: Viết đoạn văn hoàn chỉnh

Khối 7-8-9: Viết văn bản hoàn chỉnh

**B. MA TRẬN ĐỀ**

**I. Đọc - Hiểu (6 điểm)**

- Nhận biết + thông hiểu (bao gồm cả văn bản + Tiếng Việt): 4,0 điểm
- Vận dụng: Viết đoạn văn (2,0 điểm)
- + Hiểu được nội dung chính, ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- + Cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của hình ảnh, chi tiết xuất hiện trong văn bản.
- + Từ nội dung ngữ liệu, HS trình bày quan điểm, suy nghĩ, rút bài học của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.

**II. Làm văn (4 điểm)**

Vận dụng cao:      Khối 6 - Viết đoạn văn hoàn chỉnh

Khối 7, 8, 9 - Viết văn bản hoàn chỉnh

**C. KIẾN THỨC:** Từ tuần 01 đến tuần 08 - HKII

**NGỮ VĂN 6**

- **Văn bản:** Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa (không lấy trong cả hai bộ sách KNTT và CD). Thể loại: Thơ tự do từ 3 - 6 khổ - chủ đề tình cảm gia đình.

- **Tiếng Việt:** Từ đa nghĩa, từ đồng âm

- **Làm văn:** Văn biểu cảm

**a. Về kĩ năng:** Viết đúng thể loại

+ Bài viết diễn đạt trôi chảy, hành văn trong sáng.

+ Không mắc các lỗi trình bày, chính tả, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn...

**b. Về kiến thức:** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.